

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/6/2020

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Phước;
2. Ông Nguyễn Văn Thường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Trần Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 126/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24^a/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lao Thị Hồng N, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên lạc: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Long H, sinh năm: 1980; (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ nơi làm việc: Công ty cổ phần thép Việt Thành Long An, Km 1930, ấp Voi Lá, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

(Chị N có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lao Thị Hồng N trình bày:

Chị Lao Thị Hồng N và anh Nguyễn Long H tự nguyện kết hôn vào năm 2001. Chị N, anh H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Sau khi kết hôn thời gian đầu, vợ chồng chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2010 vợ chồng chị sinh con gái đầu lòng. Trong thời gian còn chung sống, anh chị không có nhà cửa riêng, chỉ ở một căn nhà tạm cất trên đất của cha mẹ chị N. Thời gian gần đây anh chị phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Anh H không cùng chăm lo gia đình, nuôi dạy con cái. Khi xảy ra mâu thuẫn anh chị đã cố gắng tìm cách tháo gỡ nhưng không có kết quả; chị N đã khuyên nhủ anh H nhiều lần; gia đình hai bên biết vợ chồng chị bất hòa nhưng không hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ tháng 02/2019 đến nay, anh H đã bỏ nhà đi không còn liên hệ với chị N và cháu Như Y. Trong thời gian ly thân cả hai không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Nay chị N xác định không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về nuôi con chung: anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc Như Y, sinh ngày 23/6/2010. Hiện nay cháu Y đang sống với chị N. Sau khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi con, chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Từ khi cháu Y sống với chị, chị N lo cho cháu chu đáo, đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Long H trình bày:

Anh H, chị N kết hôn vào năm 2001, là hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Sau khi cưới vợ chồng anh sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn nên anh H bỏ nhà đi làm xa, đến nay vợ chồng anh không có thời gian ngồi lại bàn bạc, tháo gỡ mâu thuẫn. Khi vợ chồng anh bất hòa, gia đình anh đã khuyên nhủ, động viên để hàn gắn tình cảm vợ chồng, còn gia đình chị N không có ý kiến gì. Nguyên nhân do chị N có tình cảm với người đàn ông khác bên ngoài. Anh chị đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống nhưng thời gian 01 năm đầu anh H còn gửi tiền về phụ chị N nuôi con. Hiện nay anh H đang làm việc tại công ty thép Việt Thành Long An. Đến nay anh H vẫn còn tình cảm với chị N, lúc nào cũng nghĩ về chị N nhưng do trước đây chị N có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác bên ngoài nên anh không về quê nữa. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N, anh H không đồng ý, vì anh còn thương vợ con không muốn ly hôn.

Về nuôi con chung: anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc Như Y, sinh ngày 23/6/2010. Hiện nay cháu Y đang sống với chị N. Nếu Tòa án cho ly hôn, anh H yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Do anh đang đi làm xa nên nếu anh H được nuôi con, anh sẽ đưa cháu Y về cho cha mẹ anh H nuôi dưỡng. Hiện nay cha mẹ anh H đang sống một mình, đã lớn tuổi.

Tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho anh sau khi ly hôn.

Anh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 05/3/2020, chị Lao Thị Hồng N khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Long H. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh H đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Đối với yêu cầu ly hôn của chị N:*

Chị N, anh H tự nguyện kết hôn vào năm 2001 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, anh chị được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/12/2001. Chứng cứ này là có cơ sở nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng chị sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị N do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H không cùng chị chăm lo gia đình, nuôi dạy con cái. Còn theo anh H do chị N có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác bên ngoài dẫn đến vợ chồng anh mất hạnh phúc. Khi xảy ra mâu thuẫn, theo chị N, chị nhiều lần khuyên nhủ, đã cố gắng tìm cách tháo gỡ, còn theo anh H, vợ chồng anh không có thời gian ngồi lại, bàn bạc để tháo gỡ mâu thuẫn. Gia đình hai bên biết vợ chồng chị bất hòa đã khuyên nhủ hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ năm 2018 chị N, anh H đã ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình hình sức khỏe, cuộc sống, sinh hoạt của nhau không ai biết đến ai. Chị N xác định không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Đối với anh H không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con nhưng theo chị N, từ năm 2018 anh H bỏ nhà đi đến nay không liên lạc và cũng không có động thái nào để tháo gỡ vướng mắc, mâu thuẫn của vợ chồng chị. Hiện nay anh H với chị N vẫn còn ly thân, mỗi

người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Ngoài ra, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này có cơ sở khẳng định anh H không còn tha thiết và không mong muốn, cố gắng duy trì tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với chị N nên có căn cứ xác định tình trạng của vợ chồng chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung: anh H, chị N có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Như Y, sinh ngày 23/6/2010. Hiện nay cháu Y đang sống với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Y. Đối với yêu cầu này của chị N, anh H không đồng ý và yêu cầu được nuôi cháu Y. Mặc dù anh H và chị N đều có mong muốn được nuôi con nhưng xét về điều kiện nuôi con, từ trước đến nay cháu Y đang sống với chị N, do chị N trực tiếp nuôi dưỡng cuộc sống của cháu đã ổn định. Trong thời gian chị N nuôi dưỡng đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Y. Anh H yêu cầu được nuôi con nhưng theo anh H, do anh làm việc ở xa, không trực tiếp nuôi dưỡng con chung mà giao cho cha mẹ anh nuôi dưỡng. Theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên là nghĩa vụ của cha mẹ. Mặt khác, cháu Y cũng có mong muốn được tiếp tục sống với chị N nên cần giao cháu Y cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình và nguyện vọng của cháu Y. Tuy N, vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng: chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Vì lợi ích của con chung sau này, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: anh H, chị N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Chị N, anh H không yêu cầu cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

[6] Về án phí: chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lao Thị Hồng N xin ly hôn đối với anh Nguyễn Long H;

* Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lao Thị Hồng N với anh Nguyễn Long H.

* Về nuôi con chung: giao con chung là Nguyễn Thị Ngọc Như Y, sinh ngày 23/6/2010 cho chị Lao Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị Lao Thị Hồng N không yêu cầu anh Nguyễn Long H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Long H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

* Về chia tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ghi nhận chị Lao Thị Hồng N và anh Nguyễn Long H không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

2. Về án phí: chị Lao Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009864 ngày 16/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Long H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- UBND xã Phú Túc;
- Chi cục THA DS huyện Châu Thành;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh Trung